

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2025/HS-ST
Ngày 07-3-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Huê

Ông Trần Xuân Giới

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quân-Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hạ Thu-Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2025/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Lê Đức S, sinh ngày 05-9-2002, tại tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: tổ 1, khu 1, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L1 và bà Bùi Thị H; tiền án: ngày 13-9-2022, bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 15 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; ngày 05-5-2023 chấp hành xong toàn bộ bản án; tiền sự: không; nhân thân: ngày 14-4-2022, bị Công an thành phố H, tỉnh Quảng Ninh xử phạt vi phạm hành chính với số tiền là 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) về hành vi cố ý gây thương tích; bị tạm giữ ngày 11-11-2024, bị tạm giam ngày 20-11-2024, hiện nay đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh (*có mặt*).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Vũ Đình T1, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: tổ 12, khu 7, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (*vắng mặt không lý do*).

- Người tham gia tố tụng khác:

Người chứng kiến: Anh Vũ Việt T2 và anh Nguyễn Văn C (*đều vắng mặt không lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Đức S và anh Vũ Đình T1 là bạn bè quen biết nhau qua mạng xã hội Facebook và đều sử dụng ma túy Tobacco. Qua nói chuyện, biết S bán ma túy Tobacco nên vào khoảng 21 giờ 10 phút ngày 10-11-2024, anh T1 nhắn tin qua ứng dụng Facebook Messenger cho S hỏi mua 01 (*một*) túi ma túy Tobacco; S đồng ý, báo giá 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*)/túi và hẹn anh T1 đến cảng T thuộc phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh để giao dịch mua bán ma túy. Sau đó, S đi bộ từ nhà đến điểm hẹn và bán cho anh T1 01 (*một*) túi ma túy Tobacco với giá 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*), anh T1 trả tiền mặt cho S. Tối ngày 11-11-2024, S tiếp tục cất giấu 01 (*một*) túi ma túy Tobacco khác vào trong túi quần đang mặc rồi đi ra khu vực đường dẫn vào khu du lịch T nhằm mục đích có ai hỏi mua thì bán với giá 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*). Đến khoảng 21 giờ 25 phút ngày 11-11-2024, tại đoạn đường thuộc khu 4, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố H phối hợp với Công an phường T phát hiện, bắt quả tang Lê Đức S có hành vi tàng trữ trái phép chất nghi là ma túy, mục đích để bán, thu giữ tại túi quần bên phải của S đang mặc 01 (*một*) túi nilon có khóa kẹp 01 đầu, viền màu đỏ, bên trong có chứa chất thực vật khô (nghi là ma túy) và 01 điện thoại di động Samsung, màu xanh, có gắn sim số 0899.855.303.

Tại kết luận giám định số 8827/KL-KTHS ngày 20-11-2024, Viện Khoa học hình sự-Bộ Công an đã kết luận: thực vật khô trong 01 (*một*) túi nilon bên trong phong bì bên ngoài ghi: vật chứng thu giữ của Lê Đức S ngày 11-11-2024 gửi giám định có thành phần của chất ma túy, loại MDMA-4en-PINACA, MDMA-INACA. Khối lượng thực vật khô là 0,585 gam (*không thấy năm tám năm gam*). Khối lượng chất ma túy loại MDMA-4en-PINACA trong mẫu là 0,007 gam (*không thấy không bảy gam*). Tìm thấy chất ma túy loại MDMA-4en-PINACA trong mẫu nước tiểu thu giữ của anh Vũ Đình T1 gửi giám định.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, S khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên; nguồn gốc túi ma túy đã bán cho anh T1 và túi ma túy cất giấu trong người bị thu giữ là do S mua của một người thanh niên tên Đức A (không rõ lai lịch) với giá 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) vào chiều tối ngày 07-11-2024 tại khu vực ngã ba đường mới thuộc phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, nhằm mục đích để bán; chiếc điện thoại bị thu giữ là tài sản của S dùng để liên lạc cá nhân và sử dụng vào việc liên hệ bán ma túy cho anh T1. Lời khai của S phù hợp với lời khai của anh Vũ Đình T1 và lời khai của những người chứng kiến là anh Vũ Việt T2, anh Nguyễn Văn C. Ngoài ra, anh T1 còn khai: sau khi mua ma túy của S, anh đã sử dụng hết số ma túy trên.

Tại Cáo trạng số 1136/CT-VKS-HL ngày 17-01-2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố Lê Đức S về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo S từ 30 (*ba mươi*) đến 36 (*ba mươi sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11-11-2024 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Do bị cáo S là lao động tự do, không có thu nhập ổn định và không có tài sản riêng nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về các biện pháp tư pháp: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu và tiêu hủy 0,38 gam (*không đầy ba tám*) thực vật khô (chứa ma túy MDMA-INACA và MDMA-4en-PINACA) mẫu vật hoàn lại sau giám định và 01 sim số 0899.855.303 thu giữ của bị cáo S; tịch thu của bị cáo S 01 (*một*) điện thoại nhãn hiệu Samsung, màu xanh và số tiền 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) mà bị cáo S thu lợi bất chính từ việc bán trái phép 01 (*một*) túi ma túy Tobacco cho anh T1 vào tối ngày 10-11-2024 mà có nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo S thừa nhận việc Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật; bị cáo không tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát;

Bị cáo S nói lời sau cùng: bị cáo nhận thức được hành vi mua bán ma túy của bị cáo là trái pháp luật, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Đức S và anh Vũ Đình T1 không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Đình T1 và những người chứng kiến là các anh Vũ Việt T2, Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy, những người này đã có đầy đủ lời khai tại Cơ quan điều tra và việc họ vắng mặt tại phiên tòa

không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án khách quan, đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các anh T1, T2 và C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 292 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh và điều luật áp dụng: lời khai của bị cáo Lê Đức S tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Đình T1, lời khai của những người chứng kiến là các anh Vũ Việt T2, Nguyễn Văn C và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 11-11-2024; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; biên bản niêm phong và thu thập dữ liệu điện tử (ứng dụng mạng xã hội Facebook có nội dung liên lạc mua bán ma túy giữa S và anh T1); bản ảnh nhận dạng số 01, 02 và các biên bản nhận dạng của S và anh T1; biên bản xác định hiện trường; sơ đồ hiện trường; bản ảnh xác định hiện trường vụ án và kết luận giám định số 8827/KL-KTHS ngày 20-11-2024 của Viện Khoa học hình sự-Bộ Công an. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: tối ngày 10-11-2024, tại khu vực cảng T, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, Lê Đức S có hành vi bán trái phép 01 (*một*) túi ma túy cho anh Vũ Đình T1 với giá 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*). Tiếp đó, đến khoảng 21 giờ 25 phút ngày 11-11-2024 tại lối rẽ vào sân golf khu du lịch T thuộc khu 4, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, khi S đang có hành vi tàng trữ trái phép 0,007 gam (*không thấy không không bảy gam*) ma túy, loại MDMA-4en-PINACA, mục đích để bán thì bị Công an thành phố H phát hiện, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng.

Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo S là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về mua bán chất ma túy, giúp sức cho những người buôn bán trái phép chất ma túy, gây ảnh hưởng đến sức khỏe, làm thiệt hại về kinh tế của nhiều gia đình, góp phần làm gia tăng các loại tội phạm khác, đồng thời gây mất trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng do động cơ tư lợi nên bị cáo vẫn bất chấp pháp luật mua ma túy về bán trái phép cho anh T. Hành vi của bị cáo S đã cấu thành tội “*mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số 1136/CT-VKS-HL ngày 17-01-2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố đối với bị cáo S là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo:

Ngày 13-9-2022, bị cáo S bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 15 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; ngày 05-5-2023 chấp hành xong toàn bộ bản án. Bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo S là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sau khi phạm tội, bị cáo S đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ngoài ra, bị cáo S có ông nội (Lê Đức L2) là người có công với Cách mạng, được Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thưởng huy chương kháng chiến hạng Nhất. Nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị cáo S có nhân thân xấu: ngày 14-4-2022, bị cáo bị Công an thành phố H, tỉnh Quảng Ninh xử phạt vi phạm hành chính với số tiền là 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) về hành vi cố ý gây thương tích.

[5] Về hình phạt chính: sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi của bị cáo S, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo S ra khỏi xã hội một thời gian nhất định ở mức khởi điểm mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo S, như vậy mới có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời để phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự thì bị cáo S còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với mức phạt từ 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) đến 500.000.000 đồng (*năm trăm triệu đồng*). Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, bị cáo cũng không có tài sản riêng nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo S.

[7] Về biện pháp tư pháp:

- Đối với 0,38 gam (*không thấy ba tám*) thực vật khô (chứa ma túy MDMA-INACA và MDMA-4en-PINACA) mẫu vật hoàn lại sau giám định là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ và 01 sim số 0899.855.303 thu giữ của bị cáo S không còn giá trị nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ vào các điểm a,c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và các điểm a,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với 01 (*một*) điện thoại di động Samsung, màu xanh thu giữ của bị cáo S là tài sản hợp pháp của bị cáo, bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, tịch thu chiếc điện thoại trên nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với số tiền 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) mà bị cáo S thu lợi bất chính từ việc bán trái phép 01 (*một*) túi ma túy Tobacco cho anh Vũ Đình T1 vào tối ngày 10-11-2024 mà có, nên cần tịch thu của bị cáo số tiền trên để nộp vào ngân sách Nhà nước là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

[8] Đối với người thanh niên tên Đức A không quen biết mà bị cáo S khai đã bán ma túy cho S, quá trình điều tra không xác định được con người cụ thể nên không có căn cứ để xử lý.

[9] Đối với anh Vũ Đình T1 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 612/QĐ-XPHC ngày 30-11-2024, Công an thành phố H đã phạt cảnh cáo đối với anh T. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] Về án phí: bị cáo S phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Quyền kháng cáo: bị cáo S và anh T1 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại các khoản 1,4 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Đức S 30 (*ba mươi*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11-11-2024 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Về biện pháp tư pháp: căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu và tiêu hủy 0,38 gam (*không thấy ba tám*) thực vật khô (chứa ma túy MDMA-INACA và MDMA-4en-PINACA) mẫu vật hoàn lại sau giám định trong phong bì còn nguyên niêm phong số 8827/KL-KTHS ngày 20-11-2024, biên bản hoàn gói gửi ngày 19-12-2024 của Viện Khoa học hình sự-Bộ Công an và 01 (*một*) sim số 0899.855.303 thu giữ của bị cáo S.

Tịch thu của bị cáo Lê Đức S 01 (*một*) điện thoại nhãn hiệu Samsung, màu xanh nộp ngân sách Nhà nước.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 103/BB-THA ngày 20-01-2025 giữa Công an thành phố H, tỉnh Quảng Ninh và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh).

Tịch thu của bị cáo Lê Đức S số tiền 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) mà bị cáo S thu lợi bất chính từ việc bán trái phép 01 (*một*) túi ma túy Tobacco cho anh Vũ Đình T1 vào tối ngày 10-11-2024 mà có.

Về án phí: căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo S phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: căn cứ vào các khoản 1,4 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo S có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Vũ Đình T1 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QL, NV liên quan;
- VKSND TP H;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Quảng Ninh (PV06);
- Phòng cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh Quảng Ninh (PC10);
- Cơ quan THA hình sự;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Tố Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Tố Nga